

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM-ST
Ngày: 30/6/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm
2. Bà Võ Thị Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST-KDTM ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phiên tòa số: 88/2022/QĐST-KDTM ngày 25/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 143/2022/QĐST-KDTM ngày 21/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH A

Địa chỉ: Phường A, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh K – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Hoàng S, sinh năm 1985, Địa chỉ hiện tại: Phường B, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2022).

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Y, Chủ hộ Kinh doanh Hữu T.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1975.

3.2. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1994.

3.3. Chị Nguyễn Thị Ái N, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông S có mặt; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Công ty TNHH A - đại diện theo ủy quyền là anh Cao Hoàng S trình bày: Công ty TNHH A (Viết tắt Công ty) có bán sản phẩm vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) cho ông H, bà Y, anh T, chị N. Việc bán hàng theo hình thức giao hàng trước, trả tiền sau, có tính lãi chậm thanh toán. Sau khi giao hàng thì thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc trả cho nhân viên nộp về cho công ty.

Ngày 30/10/2021, hai bên đối chiếu công nợ, bà Y xác nhận nợ Công ty số tiền 474.044.000 đồng, trong đó 440.747.000 đồng tiền vốn gốc, 33.297.000 đồng tiền lãi. Gia đình bà Y, ông H cam kết trả dần, tuy nhiên đến hạn không trả mà có biểu hiện tẩu tán tài sản.

Theo đơn khởi kiện, Công ty yêu cầu ông H, bà Y, anh T, chị N, liên đới trả cho Công ty tổng số tiền 474.044.000 đồng, trong đó 440.747.000 đồng tiền vốn gốc, 33.297.000 đồng tiền lãi và tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại. Tại phiên tòa ngày hôm nay, Công ty yêu cầu bà Y và ông H liên đới trả cho Công ty tổng số tiền 474.044.000 đồng, trong đó 440.747.000 đồng tiền vốn gốc, 33.297.000 đồng tiền lãi và tiền lãi chậm thanh toán 10%/ 01 năm từ ngày 30/10/2021 đến ngày 30/06/2022 là 08 tháng với số tiền lãi là 29.665.600đ. Tổng cộng là 503.309.600 đồng và yêu cầu tính lãi chậm thanh toán từ ngày 01/7/2022 cho đến khi trả hết số nợ với lãi suất là 10%/01 năm.

* Đối với bị đơn là bà Phan Thị Y - Chủ hộ kinh doanh Hữu T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Hữu H, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Ái N đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập xét xử hợp lệ, biết rõ nội dung khởi kiện của Công ty TNHH A nhưng không có văn bản ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu bà Phan Thị Y-Chủ hộ kinh doanh Hữu T, ông Nguyễn Hữu H phải có nghĩa vụ thanh toán tiền mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 474.044.000 đồng, trong đó 440.747.000 đồng tiền vốn gốc, 33.297.000 đồng tiền lãi và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa các đương sự theo quy định tại Điều 24 của Luật thương mại và tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức

có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xác định yêu cầu Tòa án nơi thực hiện hợp đồng giải quyết vụ án nên tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Vụ kiện vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật Thương Mại.

[4] Đối với bị đơn là bà Phan Thị Y, Chủ hộ kinh doanh Hữu T, ông H, anh T, chị N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu bà Phan Thị Y, chủ hộ kinh doanh Hữu T và ông Nguyễn Hữu H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 440.747.000 đồng tiền vốn gốc. Hội đồng xét xử nhận định: Công ty TNHH A và bà Phan Thị Y, chủ hộ kinh doanh Hữu T có ký hợp đồng mua bán phân bón, thuốc trừ sâu theo hình thức gói đầu, hợp đồng có chữ ký của bà Phan Thị Y. Do đó, Hội đồng xét xử việc mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giữa Công ty và bà Y là có thật. Trong quá trình thực hiện việc mua bán, bà Y, ông H (chồng bà Y) có xác nhận theo đó vào ngày 30/10/2021, bà Y còn nợ Công ty số tiền là 474.044.000 đồng, trong đó 440.747.000 đồng tiền vốn gốc. Công ty có cung cấp biên nhận có chữ ký của bà Y xác định ngày 30/10/2021, bà Y thừa nhận còn nợ Công ty A. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đến ngày 30/10/2021, bà Y, chủ hộ kinh doanh Hữu T còn nợ tiền mua bán phân bón, thuốc trừ sâu 440.747.000 đồng tiền vốn gốc và 33.297.000 đồng tiền lãi. Do đó, buộc bà Y, chủ hộ kinh doanh Hữu T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền 474.044.000 đồng theo quy định tại điều 50, điều 55 Luật thương mại, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về lãi chậm thanh toán, tại phiên tòa sơ thẩm Công ty yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10%/ 01 năm từ ngày 30/10/2021 đến ngày 30/6/2022. Theo mục 3.3.2, Điều 3 của hợp đồng mua bán hàng hóa ngày 01/4/2020, các bên thỏa thuận mức lãi suất chậm trả 10%/ 01 năm. Xét thấy, việc thỏa thuận lãi chậm trả 10%/ 01 năm phù hợp với Điều 306 Luật thương mại nên chấp nhận. Buộc bà Y, chủ hộ kinh doanh Hữu T có nghĩa vụ trả tiền chậm thanh toán từ ngày 30/10/2021 đến ngày 30/06/2022 là 08 tháng với số tiền lãi là 29.665.600đ.

Về trách nhiệm liên đới: Giấy đăng ký kinh doanh của bà Phan Thị Y, chủ hộ kinh doanh Hữu T thể hiện thành viên hộ chỉ có bà Y. Số chi tiết công nợ thể hiện có chữ ký của bà Y, thời điểm này bà Y ông H là vợ chồng. Ngoài ra, Công ty không cung cấp được tài liệu nào khác xác định việc mua bán theo hợp đồng ngày 01/4/2020, có liên quan quyền và nghĩa vụ của anh T, chị N. Do đó, buộc bà Y, chủ hộ kinh doanh Hữu T và ông Nguyễn Hữu H liên đới trả tiền nợ gốc 440.747.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán đến ngày 30/10/2021 là 33.297.000

đồng, tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 30/10/2021 đến ngày 30/6/2022 là 29.665.600đ, tổng cộng 503.309.600 đồng là phù hợp theo Điều 37 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn rút yêu cầu về việc yêu cầu anh T, chị N liên đới trả nợ, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty là tự nguyện. Căn cứ theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng, Hội đồng xét xử sẽ đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu anh T, chị N liên đới trả nợ.

Vậy bà Phan Thị Y chủ hộ kinh doanh cá thể và ông Nguyễn Hữu H có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty TNHH A số tiền mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật còn thiếu là 503.309.600 đồng.

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH A nên bà Phan Thị Y và ông Nguyễn Hữu H phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm. Số tiền án phí đối với số tiền 503.309.600 đồng là 24.132.000 đồng. Công ty TNHH A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 50, 55, 74, Điều 306, 319 của Luật thương mại; Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A về việc yêu cầu anh Nguyễn Hữu T, chị Nguyễn Thị Ái N liên đới trả nợ.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH A.

- Buộc bà Phan Thị Y, chủ hộ kinh doanh cá thể và ông Nguyễn Hữu H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH A số tiền mua bán hàng hóa 440.747.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán đến ngày 30/10/2021 là 33.297.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 30/10/2021 đến ngày 30/6/2022 là 29.665.600đ, tổng cộng 503.309.600 đồng (năm trăm lẻ ba triệu ba trăm lẻ chín nghìn, sáu trăm đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo kể từ ngày tuyên án, trường hợp bên thanh toán chậm thanh toán còn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo mức lãi suất 10%/năm cho đến thi hành xong bản án.

- Về án phí: Bà Phan Thị Y, chủ hộ kinh doanh cá thể và ông Nguyễn Hữu H phải chịu 24.132.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Công ty TNHH A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Công ty TNHH A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.480.000đ theo biên lai số 0007315 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh.

- Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- CCTHADS HCL;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Trung Dũng